

Số: 36 /TB-VTĐS

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản “Thanh lý Lô Tài sản cố định, Vật tư phụ tùng, Công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt”

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Căn cứ Quyết số 608/QĐ-VTHN ngày 14/10/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội về việc bán thanh lý Lô Tài sản cố định, Vật tư phụ tùng, Công cụ dụng cụ lạc hậu kỹ thuật, hư hỏng nặng không sửa chữa được, Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội.

Căn cứ Hợp đồng Hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt lần đầu ngày 01/11/2024;

Nay Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt thông báo về việc lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá tài sản “**Thanh lý Lô Tài sản cố định, Vật tư phụ tùng, Công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu kỹ thuật, hư hỏng nặng không sửa chữa được tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt**” như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

- Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt
- Địa chỉ: Số 130 đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Mã số thuế: 0110879376
- Điện thoại/fax: 0243.9424.647
- Website: <http://www.cophanvantaiduongsat.vn>

2. Tên tài sản, số lượng của tài sản đấu giá:

Tài sản bán đấu giá: Lô Tài sản cố định (TSCĐ), Vật tư phụ tùng (VTPT), Công cụ dụng cụ (CCDC) không có nhu cầu sử dụng, hư hỏng nặng không sửa chữa được, sửa chữa phức tạp không hiệu quả tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt. Cụ thể:

1. Lô 1: Tài sản cố định thanh lý:

1.1. Tại Chi nhánh Toa xe Hàng:

Stt	Thẻ TS	Tên tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Tình trạng kỹ thuật
1	2468	Ô tô IUSZU 1.5T, BKS: 29M-5671	2003	216.240.000	216.240.000	0	Bị hư hỏng nặng, không đăng kiểm được, không sử dụng đã lâu
Cộng:				216.240.000	216.240.000	0	

1.2. Tại Chi nhánh Đông Anh:

Stt	Tên tài sản cố định	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Tình trạng kỹ thuật
1	Xe ô tô 15 chỗ Toyota, Biển KS: 29T-3619	2003	385.498.048	385.498.048	0	Đã hết niên hạn, không sử dụng được
Tổng cộng			385.498.048	385.498.048	0	

1.3. Tại Chi nhánh Vận tải đường sắt Vinh:

Stt	Tên tài sản cố định	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Tình trạng kỹ thuật
1	Máy Photocopy Ricoh Aficio	2011	45.000.000	45.000.000	0	Hư hỏng nặng, không có linh kiện thay thế
Tổng cộng			45.000.000	45.000.000	0	

1.3. Tại Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội:

Stt	Tên tài sản cố định	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Tình trạng kỹ thuật
1	Ô tô Mazda 626, Biển KS: 29K-3357	1997	436.172.500	436.172.500	0	Đã hư hỏng nặng, không đăng kiểm được, không có nhu cầu sử dụng

2	Ô tô Ford, Biển KS: 29N-2917	2001	565.666.000	565.666.000	0	Đã hư hỏng, chi phí sửa chữa lớn, không có nhu cầu sử dụng
3	Ô tô bán tải, Biển KS: 29D-07994	2006	462.655.812	462.655.812	0	Đã hoán cải, thường xuyên hỏng, chi phí sửa chữa cao, không có nhu cầu sử dụng
4	Máy là phẳng công nghiệp EX	2005	122.300.000	122.300.000	0	Đã cũ, hư hỏng nặng, đã sửa chữa nhiều lần, chi phí sửa chữa cao, không có nhu cầu sử dụng
Tổng cộng			1.586.794.312	1.586.794.312	0	

2. Lô 2: Vật tư phụ tùng, công cụ dụng cụ thanh lý:

2.1. Tại chi nhánh Toa xe Hàng:

2.1.1. VTPT, CCDC tại kho Hà Nội:

Stt	Mã VT	Tên vật tư, phụ tùng	Đvt	Số lượng	Đvt quy đổi	Dự kiến khối lượng quy đổi (kg)	Dự kiến khối lượng quy đổi (kg/1 đơn vị)
I. Nhóm vật tư, phụ tùng và CCDC không qui đổi							
1	6040	Giàn nóng ĐHKK	cái	2	cái	2	1
2	2539	Lò xo cao su hộp trực	cái	176	cái	176	1
Công_Nhóm không qui đổi						178	
II. Nhóm vật tư phụ tùng quy đổi_ Sắt - inox							
1	2521	Khung GCH LXKK thu hồi	cái	1	kg	1.500	1.500
2	2523	Téc nước 750L hỏng	cái	2	kg	140	70
3	2578	Téc nước 750L thu hồi TL hỏng	cái	6	kg	420	70
4	2576	Giá chuyển hướng ấn thu hồi	cái	8	kg	2.400	300
5	1345	Vòng bi 4.1/4*8 thu hồi	vòng	48	kg	240	5
6	2510	Hộp trực thu hồi	cái	5	kg	175	35
Công_Nhóm sắt - inox						4.875	

III. Nhóm vật tư phụ tùng quy đổi_Gang							
1	170024	Guốc hãm thu hồi ngoài VD	quả	5.764	kg	6.340	1,1
2	170026	Vòi hãm hồng	cái	223	kg	223	1
3	2531	Ống hãm hồng	cái		kg	0	1
4	2645	Guốc hãm (Thu hồi SCCN)	quả	1.319	kg	2.638	2
5	557	Guốc hãm số 6 lạc hậu	quả	54	kg	108	2
6	558	Guốc hãm số 6 lạc hậu	quả	13	kg	26	2
Cộng_Nhóm gang quy đổi						9.335	
IV. Nhóm vật tư phụ tùng quy đổi_Thép							
1	2538	Lò xo thép các loại	cái	258	kg	2.580	10
Cộng_Nhóm lò xo thép qui đổi						2.580	
V. Nhóm sắt thép trực bánh xe							
1	2569	Trục ấn khách hồng	Bộ	12,0	kg	6.000	500
2	2582	Trục ấn hàng hồng	Bộ	53,0	kg	31.800	600
3	2591	Trục hãm đĩa hồng	Bộ	6	kg	4.500	750
4	2626	Trục ru hàng hồng	Bộ	8	kg	5.200	650
5	2638	Trục Đường sơn hồng	Bộ	34	kg	17.000	500
6	100601	Trục ấn hàng hồng	Bộ	3	kg	1.800	600
7	2605	Trục nhật hàng thu hồi hồng	Bộ	1	kg	500	500
8	2653	Trục ru hàng thu hồi hồng	Bộ	1	kg	600	600
9	2654	Trục mỹ hàng thu hồi lạc hậu	Bộ	1	kg	600	600
10	2667	Trục ru khách thu hồi hồng	Bộ	1	kg	600	600
11	2678	Trục ấn khách hồng	Bộ	2	kg	1.000	500
12	2677	Trục ấn hàng hồng	Bộ	2	kg	1.200	600
13	100502	Trục ấn hàng hồng	Bộ	2	kg	1.200	600
14	100526	Trục ấn khách hồng	Bộ	4	kg	2.000	500
15	100527	Trục ấn hàng hồng	Bộ	14	kg	8.400	600
16	100532	Trục nhật khách thu hồi hồng	Bộ	3	kg	1.500	500
17	100533	Trục ấn hàng hồng 5 x 9	Bộ	11	kg	6.600	600
18	100534	Trục ấn hàng hồng	Bộ	13	kg	7.800	600
19	2626	Trục ru hàng hồng	Bộ	1	kg	650	650
20	2612	Trục nhật hàng thu hồi hồng	Bộ	2	kg	1.000	500
21	100535	Trục Đường sơn hồng	Bộ	3	kg	1.500	500
22	100536	Trục ru thu hồi hồng	Bộ	4	kg	2.600	650
23	100530	Thân trục ấn hồng	cái	4	kg	600	150
24	100531	Thân trục đường sơn hồng	cái	3	kg	390	130

25	100529	Mâm bánh xe đường sơn	cái	4	kg	600	150
26	100528	Mâm bánh xe ấn	cái	12	kg	2.160	180
Cộng_Sắt trục bánh						107.800	

2.1.2. VTPT, CCDC tại kho Yên Viên:

Stt	Mã thê	Danh mục vật tư, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Dự kiến khối lượng qui đổi (kg)		Khối lượng qui đổi/ 1 đơn vị (kg)
					Sắt	Gang	
I. Sắt trục bánh							
1	8726	Trục bánh xe TQ thu hồi TL hông các loại (Có ổ bi)	bộ	75,0	45.000		600
2	8739	Trục bánh xe Ấn, TQ và Ru hông các loại (không ổ bi)	bộ	326,0	195.600		600
3	8744	Trục bánh xe Nhật khách hông các loại (không ổ bi)	bộ	2,0	1.000		500
Cộng_Sắt trục bánh				403,0	241.600		
II. Sắt, gang							
1	8388	Vòi hãm hông, hết đất	cái	893,0		893	1
2	8392	Vòi hãm hông, hết đất	cái	605,0		605	1
3	8393	Tôn sắt thép phế liệu	kg	28.001,8	28.001,8		1
4	8394	Guốc hãm mòn, gãy	quả	2.895,0		5.790	2
5	8394 (c)	Guốc hãm thu hồi còn gáy	quả	115,0		35	0,3
6	8394 (b)	Guốc hãm thu hồi SCCN còn 1/2	quả	1.652,0		1.652	1
7	8396	Guốc hãm mòn, gãy (trạm)	quả	5.432,0		5.975	1,1
8	8396 (b)	Guốc hãm mòn, gãy (trạm) còn 1/2	quả	2.923,0		1.462	0,5
9	8396 (c)	Guốc hãm mòn, gãy (trạm) còn gáy	quả	910,0		273	0,3
10	8597	GCH toa xe ấn hàng (ko trục)	bộ	6,0	2.280,0		380
11	8625	Má giá chuyển thu hồi TL hông	cái	20,0	3.600,0		180
12	8851	Xà mang guốc hãm thu hồi	cái	20,0	400,0		20
13	8756	Xà nhún thu hồi thanh lý hông	cái	4,0	800,0		200

14	8855	Xà nhún ấn độ hồng	cái	6,0	1.200,0	200
Cộng_Sắt, gang:					36.281,8	16.684,2
Tổng cộng (I+II):					277.881,8	16.684,2

2.2. Tại Chi nhánh Toa xe Vinh:

Stt	Tên vật tư, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Dự kiến khối lượng quy đổi (kg)	Dự kiến khối lượng quy đổi (kg) /1 đơn vị
1	Mâm bánh các loại	Cái	438	78.840	180
2	Bộ trục Ấn hàng	Bộ	11	6.600	600
3	Bộ trục Ru	Bộ	8	5.200	650
4	Bộ trục Ấn khách	Bộ	6	3.000	500
5	Thân trục Ấn hàng	Cái	8	5.200	650
6	Guốc hãm các loại	Quả	600	1.200	2
7	Vòi hãm các loại	Cái	120	120	1

3. Giá khởi điểm, vị trí của tài sản đấu giá:

3.1. Giá khởi điểm: **5.490.260.040** đồng. Chia làm 2 lô, bao gồm:

3.1.1. Lô 1: Lô tài TSCĐ tại Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội), Chi nhánh VTĐS Đông Anh, Chi nhánh VTĐS Vinh, Chi nhánh Đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội.

- Giá khởi điểm: **116.170.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*). Giá bán trên là bán tại chỗ chưa bao gồm chi phí vận chuyển, cắt dỡ ...) và đã bao gồm thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển, cắt dỡ,...do bên mua tài sản chịu. Bàn giao theo số lượng không qua cân thực tế. Do ngành đường sắt thay đổi mô hình tổ chức nhiều lần nên đối với Tài sản là Ô tô, Công ty bán theo hiện trạng, chỉ cung cấp hồ sơ tài liệu hiện có và không chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi sang tên.

- Bước giá từng lần trả giá: 5.000.000 đồng.

- Hình thức đấu giá: Theo quy định của Nhà nước.

- Vị trí để TSCĐ (dự kiến, có thể thay đổi): tại địa chỉ của Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội), Chi nhánh VTĐS Đông Anh, Chi nhánh VTĐS Vinh, Chi nhánh Đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội.

3.1.2. Lô 2: Lô VTPT, CCDC tại Chi nhánh Toa xe Vinh, Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội).

- Giá khởi điểm: **5.374.090.040** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ ba trăm bảy mươi tư triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng*). Giá bán trên là bán tại chỗ chưa bao gồm chi phí vận chuyển, cắt dỡ ...) và đã bao gồm thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển, cắt dỡ,...do bên mua tài sản chịu. Bàn giao cả lô và qua cân thực tế

- Bước giá từng lần trả giá: 10.000.000 đồng.
- Hình thức đấu giá: Theo quy định của Nhà nước.
- Vị trí để TSCĐ, VTPT, CCDC (dự kiến, có thể thay đổi): Chi nhánh Toa xe Vinh, Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khâ thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0

6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán</i>	4,0

	đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Mỗi hợp đồng dịch vụ bán đấu giá thành công cho Ngành đường sắt: 1 ^a (Điểm tối đa không quá 2 điểm).	2,0
2	Tổ chức bán đấu giá trực tuyến thành công	3,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

Ghi chú:

- Đối với khoản 1, khoản 2 Mục III: **Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản** thì tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá là tài sản bán thanh lý không bao gồm Quyền sử dụng đất.

- Hồ sơ đề nghị sắp xếp theo thứ tự của tiêu chí để tiện đối chiếu.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ ngày 11/11/2024 đến trước 10h00 ngày 14/11/2024.

- Địa điểm nộp hồ sơ: tại phòng Tài chính Kế toán (Phòng 405) số 130 Lê Duẩn, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.9424.647

Lưu ý:

+ Người đến nộp trực tiếp thì phải mang theo giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

+ Hồ sơ phải được niêm phong và dán kín.



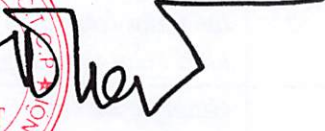
+ Không hoàn lại đối với hồ sơ không được lựa chọn.

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt xin thông báo tới các tổ chức đấu giá được biết.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các tổ chức đấu giá;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Trưởng BKS Công ty;
- Hội đồng thanh lý Công ty;
- Các Đơn vị trực thuộc Công ty;
- Phòng CNTT (đăng Website Công ty);
- Lưu: VT, TCKT.


TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Anh Tuấn